

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-3-2022
Về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải

Bà Lê Thị Linh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc “xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Mai Văn U, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Th, xã Tr, huyện V, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L1, xã B, huyện V, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn ngày 28 tháng 10 năm 2021 nguyên đơn trình bày và thể hiện trong các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án như sau:

Ông U yêu cầu được ly hôn với bà M, yêu cầu nuôi con chung tên Mai Tuấn A1, sinh ngày 15/5/2010, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lý do yêu cầu: Ông U và bà M tìm hiểu nhau một thời gian thì tổ chức lễ cưới năm 2009 trên cơ sở tự nguyện; Vợ chồng ông có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã Tr, huyện V, tỉnh Long An ngày 21/01/2010. Sau khi cưới, hai vợ chồng sinh sống tại ấp Th, xã Tr, huyện V, tỉnh Long An. Thời gian đầu ông và bà M sống rất hạnh phúc nhưng không lâu thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng ý kiến. Vợ chồng ông nhiều lần hòa giải với nhau nhưng đều không có kết quả. Từ năm 2011, vợ chồng ông bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, một thời gian sau thì không còn sống chung cho đến nay. Ông và bà M có một con chung tên Mai Tuấn A1, sinh ngày 15/5/2010, hiện nay Tuấn A1 đang ở chung với ông.

- Bị đơn bà M có ý kiến và trình bày: Bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông U, thống nhất giao con chung cho ông U nuôi dưỡng, chăm sóc, bà không cấp dưỡng nuôi con chung. Bà thống nhất điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn như ông U trình bày, về tài sản chung và nợ chung thống nhất không có.

- Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định như vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án.

Nội dung vụ án: Ông U và bà M có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp được giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình; bà M có ý kiến thống nhất ly hôn; mặt khác, vợ chồng ông U đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2011 và sống ly thân cho đến nay; tại bản tự khai ngày 22/3/2022 bà M có ý kiến thống nhất ly hôn; Con chung cháu Mai Tuấn A1 đã trên 07 tuổi có nguyện vọng muốn ở với ông U, ông U có yêu cầu được nuôi con chung, bà M đồng ý giao con chung cho ông U nuôi dưỡng, chăm sóc; Ông U và bà M đều trình bày không có tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông U: Ông U được ly hôn với bà M, giao con chung cho ông U nuôi dưỡng và chăm sóc; Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và chia nợ chung không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả thảo luận đánh giá chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Ông U yêu cầu ly hôn với bà M, bà M có nơi cư trú tại xã B, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Ông U và bà M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Mặc dù bị đơn có ý kiến thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn đều vắng mặt, vì vậy, Tòa án mở phiên tòa để xem xét yêu cầu của nguyên đơn theo quy định và không ghi nhận thuận tình ly hôn theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của ông U và bà M được hình thành trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tr, huyện Vĩnh Hưng vào ngày 21/01/2010 theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp;

Ông U và bà M xảy ra mâu thuẫn từ năm 2011, vợ chồng nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả nên nay ông U yêu cầu được ly hôn và bà M có ý kiến thống nhất ly hôn; Biên bản xác minh tại địa phương ngày 24/02/2022 cũng thể hiện từ năm 2018 đến nay bà M và ông U không còn sống chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của ông U và bà M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông U là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Con của ông U và bà M đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với ông U; Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 24/02/2022 con chung đang sống cùng ông U và ông U có thu nhập ổn định từ sản xuất lúa, lao động tự do đảm bảo đủ điều kiện chăm lo cho con chung phát triển về mọi mặt, bà M có ý kiến đồng ý giao con chung cho ông U nuôi dưỡng, chăm sóc. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông U, giao con chung cho ông U trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Ông U không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[5] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Ông U và bà M đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Từ các nhận định trên, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về ly hôn, tranh chấp nuôi con của ông U.

[6] Về án phí: Do ông U không thuộc trường hợp được miễn án phí nên ông U phải chịu án phí hôn nhân gia đình không có giá ngạch là 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp sang tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Mai Văn U về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với bà Nguyễn Thị Hồng M.

Về hôn nhân: Ông Mai Văn U được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng M.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Mai Tuấn A1 (Giới tính: Nam), sinh ngày 15/5/2010 cho ông M Văn U trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Ông M Văn U không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích của con chung hoặc cá nhân, tổ chức theo luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Ông Mai Văn U phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí ông Mai Văn U đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003532 ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng sang tiền án phí.

Báo cho ông Mai Văn U và bà Nguyễn Thị Hồng M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- UBND xã Tr;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân Liễu